

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TIỂU CẦN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST  
Ngày: 30-6 -2020  
*V/v Tranh chấp di sản thừa kế  
quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Nguyễn Hồng Quân

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2020, về “Tranh chấp di sản thừa kế”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST- DS, ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:***

Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Khóm 1, thị trấn C, huyện T tỉnh T.

Tạm trú: Số 5/45/15, đường N, Phường 7, Quận B, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Hồng H là luật sư Nguyễn Vĩnh Bình – Hội luật gia tỉnh Trà Vinh thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật (Có mặt)

Địa chỉ: Số 303, Lê Lợi, Khóm 1, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Khóm 1, thị trấn C, huyện T tỉnh T.

Tạm trú: 22/14, đường Phan Văn H, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện T tỉnh T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970 (Có mặt)

Chị Trịnh Thị Hồng C, sinh năm 1986 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số 182, Mai T, Khóm 4, Phường 9, thành phố S, tỉnh S.

Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 23/5, Nguyễn Văn Y, phường T, quận T, Thành phố H.

Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1985;

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1952 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bà Lý Lệ H2, sinh năm 1953 (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993;

Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh 23/01/2000;

Cùng địa chỉ: Khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh T.

Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: 22/14, đường Phan Văn H, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh ông Nguyễn Quốc T là bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 23/5 Nguyễn Văn Y, phường T, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Nguyễn Thị Hồng T là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: 171, Đường N, Khóm 1, thị trấn C, huyện T tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Th và chị Nguyễn Thị Bích N là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; Địa chỉ: Đường Đường N, Khóm 1, thị trấn C, huyện T tỉnh T; Tạm trú: 22/14, đường Phan Văn H, Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/3/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/9/2018 và các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, các nguyên đơn trình bày như sau:

Bà Hồng H khai mẹ bà có 05 người con chung cùng mẹ khác cha gồm: Nguyễn Thị H3 (chết 2008), bà H3 có 02 người con là Nguyễn Hồng N và Trịnh Thị Hồng C; Nguyễn Thị L1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị L; Nguyễn Thị Hồng H.

Cha bà là ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1933 (chết năm 2012), mẹ là bà Nguyễn Thị N, sinh 1933 (chết 2014). Lúc còn sống, cha, mẹ có tạo lập được hai thửa đất do bà N đứng tên quyền sử dụng cấp ngày 11/11/1996 gồm: thửa 280, diện tích 61,25m<sup>2</sup>, thửa 281, diện tích 262,25m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4B (Hiện nay là thửa 124, diện tích 267,7m<sup>2</sup> (có gắn căn nhà, nhưng không tranh chấp), tờ bản đồ số 19, loại đất ODT+CLN, tọa lạc tại đường N, khóm 1, thị trấn C, huyện T, tỉnh T), hiện do Nguyễn Thị L quản lý.

Ông Đ trình bày: Ông là con của bà Nguyễn Thị N và ông Lâm Quang B. Bà N có 05 người con chung cùng mẹ khác cha gồm: Nguyễn Thị H3 (chết 2008), bà H3 có 02 người con là Nguyễn Hồng N và Trịnh Thị Hồng C; Nguyễn Thị L1; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị L; Nguyễn Thị Hồng H. Sau khi mẹ ông chết để lại di sản thừa kế giống như bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày.

Nay, bà H và ông Đ yêu cầu mỗi người được hưởng một suất thừa kế đối với phần đất nêu trên, không yêu cầu chia tài sản trên đất và xin nhận giá trị bằng tiền.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là con bà Nguyễn Thị N và ông Út H (hiện ông Út H sống chết không rõ), bà N có các con chung gồm: Nguyễn Thị Hồng H; Nguyễn Thị H3 (chết) có 02 con là Trịnh Thị Hồng C, Nguyễn Hồng N; Nguyễn Văn Đ; Nguyễn Thị L1 và Nguyễn Thị L. Bà là người sống chung với bà N và quản lý di sản sau khi bà N chết.

Nay, bà L yêu cầu được chia hai suất di sản vì bà có công chăm sóc nuôi dưỡng mẹ lúc già yếu và thờ cúng mẹ, đồng thời các thừa kế có nghĩa vụ cùng

bà trả số nợ 180.000.000 đồng mà khi mẹ còn sống, bà có mượn để làm ăn và chăm sóc mẹ. Các đồng thừa kế phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bà 10.000.000 đồng tiền cải tạo phần đất tranh chấp, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Nguyễn Thị L: Bà là con ruột của bà Nguyễn Thị N và ông Lâm Quang B, cha mẹ đều chết. Bà N có để lại di sản là quyền sử dụng đất do bà L quản lý. Nay, bà yêu cầu bà L chia cho bà một suất thừa kế theo pháp luật.

- Chị Trịnh Thị Hồng C và anh Nguyễn Hồng N trình bày: anh chị là con ruột bà Nguyễn Thị H3 (chết). Anh, chị yêu cầu bà Nguyễn Thị L chia cho anh chị một suất thừa kế đối với di sản là phần đất bà L đang quản lý của bà N.

Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa các nguyên đơn và người liên quan đứng về phía nguyên đơn đều yêu cầu được chia một suất thừa kế theo pháp luật và đồng ý chia cho bà L 02 suất thừa kế theo pháp luật đối với di sản là 267,7m<sup>2</sup> do bà N chết để lại vì có công giữ gìn di sản và chăm sóc mẹ, nhưng không đồng ý cùng trả số nợ 180.000.000 đồng vì số nợ trên do bà L mượn người khác thì bà L tự trả. Đồng ý hoàn lại cho bà L 10.000.000 đồng tiền sang lấp mặt bằng tôn tạo đất.

Tại phiên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày: Bà có cho bà Nguyễn Thị L vay nhiều lần tổng số tiền 120.000.000 đồng, bà L có thể chấp cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà cho bà L mượn tiền nên yêu cầu bà L trả cho bà 120.000.000 đồng nhưng bà không có yêu cầu bà L hoàn trả số tiền trên trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai bà Lý Huệ H2 ngày 15/10/2018, bà H2 trình bày: Cách nay khoảng 9 hoặc 10 năm, bà có cho bà L vay tiền nhiều lần, tổng số tiền 75.000.000 đồng, bà L trả 15.000.000 đồng, còn lại số tiền 60.000.000 đồng, không có làm biên nhận gì. Bà không khởi kiện bà L số tiền trên trong vụ án này.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di sản là quyền sử dụng đất của bà Nở chết để lại là quyền sử dụng đất có diện tích 267,7m<sup>2</sup>, thửa 124, tờ bản đồ số 19, loại đất ODT+CLN tọa lạc tại khóm 1, thị trấn cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Chia cho mỗi thừa kế bằng 01 suất bằng nhau, ghi nhận đồng nguyên đơn chia cho bà L 02 suất và các thừa kế hoàn trả cho bà L 10.000.000 đồng tiền sang lấp mặt

bằng, không chấp nhận cùng có nghĩa vụ trả số tiền 180.000.000 đồng mà bà L mượn của bà H2, bà H1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, chia cho hàng thừa kế thứ nhất của bà N gồm: bà H, ông Đ, bà L1 mỗi người được hưởng một suất thừa kế, anh N và chị C cùng hưởng một suất thừa kế, riêng bà L nhận hai suất. Các thừa kế hoàn lại cho bà L 10.000.000 đồng tiền sang lấp mặt bằng, không chấp nhận lời nại ra của bà L về việc yêu cầu các thừa kế cùng có nghĩa vụ trả số tiền 180.000.000 đồng cho bà L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp di sản thừa kế” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Tiểu Cần, nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ đứng về phía nguyên đơn có mặt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Huệ H2 và bà Nguyễn Thị Ngọc H1 có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay, các nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng H và Nguyễn Văn Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn vẫn yêu cầu bị đơn chia di sản là quyền sử dụng đất bằng giá trị bằng tiền đối với phần đất tại các thửa 280, diện tích 61,25m<sup>2</sup>, thửa 281, diện tích 262,25m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4B do bà Nguyễn Thị Nở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/11/1996 (hiện nay là thửa 124, diện tích 267,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 19, loại đất ODT-CLN), đồng thời, mỗi thừa kế đồng ý nhận một suất thừa kế bằng giá trị là tiền, đồng ý chia cho bị đơn 02 suất thừa kế vì có công giữ gìn di sản và chăm sóc mẹ. Thống nhất cùng hoàn lại cho bị

đơn số tiền cải tạo, bồi đắp phần đất là 10.000.000 đồng. Đối với căn nhà gắn liền với đất, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn không yêu cầu chia, nên không xem xét mà giao cho bà L được sở hữu.

- Bị đơn thống nhất chia di sản thừa kế phần đất nêu trên cho các đồng thừa kế, nhưng yêu cầu được chia hai suất thừa kế và yêu cầu các đồng thừa kế cùng trả số nợ 180.000.000 đồng, mà khi bà Nở còn sống, bị đơn mượn tiêu xài cá nhân và có công chăm sóc bà N. yêu cầu phía nguyên đơn hoàn trả số tiền sang lập và tu bổ phần đất chia thừa kế là 10.000.000 đồng.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn thấy rằng: Tại phiên tòa, các đồng thừa kế đều thống nhất về diện và hàng thừa kế, về di sản thừa kế là quyền sử dụng phần đất của bà N chết để lại có diện tích  $267,7m^2$ , thửa 124, tờ bản đồ số 19, loại đất ODT-CLN, tọa lạc tại đường Nguyễn Huệ, khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, nguyên đơn và các đồng thừa kế đứng về phía nguyên đơn yêu cầu chia cho mỗi người một phần bằng nhau theo giá trị bằng tiền là có căn cứ. Phần di sản là diện tích  $267,7m^2 \times 5.000.000\text{đồng} = 1.338.500.000\text{đồng}$ :  $6 = 223.083.333$  đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của bị đơn xin nhận hai suất thừa kế và yêu cầu các nguyên đơn cùng có nghĩa vụ trả số tiền bị đơn còn nợ bà H1, bà H2 là 180.000.000 đồng Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền 180.000.000 đồng, bà H1, bà H2 cho bà L vay, không phải bà N vay, nên số tiền nợ này là nợ riêng của bà L, nên bà L yêu cầu các nguyên đơn cùng có nghĩa vụ hoàn trả là không có cơ sở. Mặc khác, Tòa án có hướng dẫn bà L phản tố đối với số tiền 180.000.000 đồng, nhưng bà L không làm đơn, nên tòa không xem xét đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của bà L xin được nhận hai suất thừa kế là có căn cứ vì bà cũng là con của bà N, nên chỉ nhận một suất bằng nhau như các thừa kế khác. Tuy nhiên, do bà có công trực tiếp chăm sóc bà N khi còn sống và có công giữ gìn, quản lý, thờ cúng bà N sau khi chết, các thừa kế khác thống nhất cho bà L nhận 02 suất thừa kế, nên tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn, đồng thời ghi nhận thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, phía nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đồng ý hoàn lại cho bà L 10.000.000 đồng là tiền cải tạo tu bổ phần đất thừa kế.

Chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và luật sư tại phiên tòa sơ thẩm.

[3] Các bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá theo quy định của pháp luật. Riêng bà Nguyễn Thị Hồng H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 273, 228, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 631, 674, 676 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 167 luật đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn và một phần yêu cầu của bị đơn.

- Giao cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục được sở hữu căn nhà gắn với quyền sử dụng phần đất tại thửa 280, diện tích 61,25m<sup>2</sup>, thửa 281, diện tích 262,25m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 4B (Hiện nay là thửa 124, diện tích 267,7m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 19, loại đất ODT+CLN, tọa lạc tại đường Nguyễn Huệ, khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh).

Phần đất có tứ cận như sau:

- + Hướng Bắc: giáp thửa 131 có cạnh dài 46,50m
- + Hướng Nam: giáp thửa 125 có cạnh dài 46,06 m
- + Hướng Đông: Giáp đường Nguyễn Huệ cạnh dài 5,45m.
- + Hướng Tây: giáp rạch Trại Ghe Hàu có cạnh 6,13m.

(Có sơ đồ khu đất kèm công văn số 291/CNVPĐKĐĐ ngày 16/07/2018)

- Buộc bà Nguyễn Thị L hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L1 mỗi người với số tiền bằng 223.083.333 đồng; anh Nguyễn Hồng N và Trịnh Thị Hồng C nhận nhận một suất thừa kế bằng tiền là 223.083.333 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị L1, anh Nguyễn Hồng N và Trịnh Thị Hồng C mỗi suất thừa kế hoàn lại cho bà L 2.500.000 đồng tiền cải tạo đất.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà H 300.000 đồng tại biên lai số 0015412 ngày 05/4/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

+ Buộc ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 11.154.166 đồng nhưng do ông Đ đã tạm ứng số tiền là 6.992.500 đồng tại các biên lai số 0015413 ngày 05/4/2018 và biên lai số 0019077 ngày 13/9/2018, nên ông Đ chỉ nộp thêm số tiền là 4.161.666 đồng; bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 11.154.166 đồng; anh Nguyễn Hồng N và chị Trịnh Thị Hồng C liên đới phải chịu 11.154.166 đồng; bà Nguyễn Thị L phải chịu 21.846.666 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản tương ứng được chia.

- Về chi phí khảo sát, định giá: Số tiền chi là 2.077.284 đồng, do bà Nguyễn Thị Hồng H đã nộp trước số tiền là 3.000.000 đồng. Hoàn lại cho bà H 922.716 đồng. Mỗi thừa kế là Nguyễn Thị Hồng H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị L1 mỗi người phải chịu 346.214 đồng, Nguyễn Hồng N và Trịnh Thị Hồng C liên đới chịu 346.214 đồng, Nguyễn Thị L chịu 692.428 đồng. Số tiền thu được của ông Đ, bà L1, bà L, N và C hoàn lại cho bà H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.*



**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Long**